

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**  
Bản án số: 231 /2020/HNGĐ-ST  
Ngày 13 - 5 - 2020  
V/v **Tranh chấp ly hôn và nuôi con  
chung**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thanh Nhân;**

*Các hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: **Tạ Công Minh;**

+ Ông : **Nguyễn Đức Duy;**

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền  
Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Hoàng Lan Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu  
Thành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 774/2019/TLST –  
HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc: “tranh chấp ly hôn và nuôi con ”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐST-HN ngày 12  
tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp TP1, xã  
TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** **Cao Minh T1**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp TP1, xã TLĐ,  
huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

( Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, Tờ tự khai cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn Lê Thị Thanh T trình bày:**

Chị và anh Cao Minh T1 sống chung với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông. Từ khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 không chung thủy, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến vợ chồng không thể sống chung được nữa và cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh T1. Gia đình hai bên đã động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không hòa thuận được. Chị thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Chị yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Cao Minh T1.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Cao Như N sinh ngày 09/12/2009; Cao Minh T2 sinh ngày 17/12/2011; Cao Hữu N1 sinh ngày 17/10/2016. Từ khi ly thân, Cao Như N và Cao Minh T2 do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, Cao Hữu N1 do chị trực tiếp nuôi dưỡng cuộc sống ổn định, đảm bảo về mặt vật chất và tinh thần. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Cao Hữu N1; Giao anh Cao Minh T1 trực tiếp nuôi Cao Như N và Cao Minh T2 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Chị T cho rằng hiện nay chị và anh T1 có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con nên chưa yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Cao Minh T1 đã được Tòa án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Cao Minh T1 không có tự khai trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

**\* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thanh T: Cho chị Lê Thị Thanh T và anh Cao Minh T1 ly hôn; Về nuôi con chung để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu và phù hợp với nguyện vọng của con trên 7 tuổi, đề nghị giao con chung Cao Như N và Cao Minh T2 cho anh Cao

Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Cao Hữu N1 cho chị Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét do các bên không tranh chấp.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, HĐXX, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ có mặt khi Tòa án triệu tập. Đến thời điểm trước khi nghị án, Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về quan hệ tranh chấp:** Chị Lê Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Cao Minh T1 và yêu cầu nuôi con chung. Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con .

**[2] Về thủ tục tố tụng:**

Xét bị đơn Cao Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Cao Minh T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

**[3] Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy chị Lê Thị Thanh T và anh Cao Minh T1 sống chung có đăng ký kết hôn theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét lời khai chị Lê Thị Thanh T về nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung. Tòa án đã thông báo cho anh Cao Minh T1 được biết nhưng anh T1 không có ý kiến phản đối. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét quá trình sống chung anh chị sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn nên không thể sống chung được nữa. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của Chị T và anh T1 cũng thể hiện anh chị đã không còn sống chung. Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng anh T1 không tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh T1 cũng không có thiện chí hàn gắn, thể hiện tình cảm giữa Chị T và anh T1 không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh T.

[4] **Về nuôi con chung:** Cháu Cao Như N, Cao Minh T2 và Cao Hữu N1 đều chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Chị Lê Thị Thanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Cao Hữu N1, giao anh Cao Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng Cao Như N và Cao Minh T2. Xét thấy, Chị T và anh T1 có đủ điều kiện về sức khỏe và các điều kiện cần thiết để nuôi con. Từ khi chị và anh T1 không còn sống chung, cháu N2 do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Cháu N và T2 do anh T1 nuôi dưỡng cũng đảm bảo, cuộc sống đã ổn định; Đồng thời nguyện vọng của cháu Cao Như N và Cao Minh T2 cũng muốn anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em, Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu giao cho chị Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Hữu N1, giao anh Cao Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng Cao Như N và Cao Minh T2. Chị T và anh T1 được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] **Về cấp dưỡng:** chị Lê Thị Thanh T trình bày hiện tại chị đủ điều kiện để nuôi con chưa yêu cầu anh T1 cấp dưỡng; Anh T1 cũng không có yêu cầu Chị T phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX ghi nhận và không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] **Về tài sản chung:** Các đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[7] **Về nợ chung:** Các bên đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

[8] **Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát** là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên. HĐXX chấp nhận.

[9] **Về án phí:** Chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng: Điều 5, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;**

**Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ;**

**Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.**

**Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thanh T.**

- **Về hôn nhân:** Cho chị Lê Thị Thanh T ly hôn với anh Cao Minh T1.

- **Về nuôi con chung:** Giao cho chị Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Hữu N1; Giao anh Cao Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Như N và Cao Minh T2 . Anh T1 và Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Thời hạn thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** không có xem xét.

- **Tài sản chung:** không có xem xét.

- **Về nợ chung:** không có xem xét.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lê Thị Thanh T đã nộp theo biên lai thu số 01525 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND.TG
- VKSND.huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS. huyện châu Thành;
- UBND xã nơi Đăng ký kết hôn;
- Các Đ/S
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**ĐÃ KÝ**

**Nguyễn Thanh Nhàn**